

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	<b>[2] - [4]</b>
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>[5] - [6]</b>
<b>3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	[10] - [11]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	[12] - [36]

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 24 tháng 03 năm 2017.

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc**

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT
- Bà Tạ Thị Nga	Ủy viên
- Ông Chu Ngọc Cường	Ủy viên
- Ông Nguyễn Viết Đạt	Ủy viên
- Ông Trịnh Đức Hạnh	Ủy viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng Giám đốc
- Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Lệ Thúy	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét đính kèm.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Dệt may Supertex theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1001/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 10/01/2018 của Công ty Cổ phần May Phú Thành.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 137/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 07 năm 2018 về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nông Kim Nhân và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Bùi Thị Mai Chi kể từ ngày 30 tháng 07 năm 2018.

Quyết định số 4262/QĐ-CCT-QLN ngày 09 tháng 07 năm 2018 của Chi cục thuế huyện Hoài Đức về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do Công ty không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Tuy nhiên, theo công văn số 5040/TB-CCT-QLN ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thuế huyện Hoài Đức thông báo về việc hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng do Công ty Cổ phần May Phú thành có văn bản xin xuất hóa đơn lẻ và cam kết nộp thuế gửi Chi cục Thuế huyện Hoài Đức.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Việt Tùng**

Số: 82/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Phú Thành tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Dương Thị Thảo**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2018-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.195.059.171</b>	<b>119.757.621.751</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.871.243.951</b>	<b>658.969.428</b>
1. Tiền	111	5.1	1.871.243.951	658.969.428
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.786.761.492</b>	<b>79.171.306.730</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31.481.736.308	33.132.690.487
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	5.081.571.482	22.030.148.513
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	14.200.000.000	6.900.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	9.095.191.637	17.803.282.191
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1.071.737.935)	(694.814.461)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>39.503.518.193</b>	<b>37.127.299.542</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	39.503.518.193	37.127.299.542
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.033.535.535</b>	<b>2.800.046.051</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	29.783.874	68.176.299
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.001.848.257	2.729.966.348
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.903.404	1.903.404
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>125.488.122.887</b>	<b>119.850.317.981</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.812.684.079</b>	<b>31.194.004.652</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		40.812.684.079	31.194.004.652
- Nguyên giá	222	5.9	48.487.208.556	36.778.368.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.9	(7.674.524.477)	(5.584.363.904)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>227.000.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	227.000.000
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>77.914.285.714</b>	<b>81.334.285.714</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.7	47.914.285.714	47.914.285.714
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.7	30.000.000.000	33.420.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.761.153.094</b>	<b>7.095.027.615</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	6.761.153.094	7.095.027.615
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>228.683.182.058</b>	<b>239.607.939.732</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>64.997.190.806</b>	<b>78.887.445.063</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.859.556.606</b>	<b>70.638.272.401</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	9.296.700.805	21.936.555.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.763.009.638	5.059.574.857
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.759.365.587	1.227.902.963
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	40.000.000	80.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	177.924.827	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	38.841.277.820	41.352.961.478
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	981.277.929
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.137.634.200</b>	<b>8.249.172.662</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	7.137.634.200	8.249.172.662
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.18</b>	<b>163.685.991.252</b>	<b>160.720.494.669</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>163.685.991.252</b>	<b>160.720.494.669</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		7.003.435.394	4.037.938.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.037.938.811	8.847.707
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.965.496.583	4.029.091.104
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>228.683.182.058</b>	<b>239.607.939.732</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Thị Phương Thủy



Bùi Thị Mai Chi



Nguyễn Viết Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a – DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>59.324.811.858</b>	<b>49.019.139.886</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	34.452.500	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>59.290.359.358</b>	<b>49.019.139.886</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>51.699.288.538</b>	<b>40.155.045.665</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.591.070.820</b>	<b>8.864.094.221</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	467.810.283	684.667
7. Chi phí tài chính	22	6.5	2.101.458.708	2.196.324.822
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.101.458.708	2.187.287.847
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	266.479.677	355.399.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	1.461.320.068	1.125.446.204
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.229.622.650</b>	<b>5.187.608.298</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	120.000.368	1.947
12. Chi phí khác	32	6.7	462.753.353	765.499.131
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(342.752.985)</b>	<b>(765.497.184)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.886.869.665</b>	<b>4.422.111.114</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	921.373.082	1.037.519.127
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>2.965.496.583</b>	<b>3.384.591.987</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		191	218

Người lập



Hà Thị Phương Thủy

Kế toán trưởng



Bùi Thị Mai Chi

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a – DN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>3.886.869.665</b>	<b>4.422.111.114</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.090.160.573	1.584.701.357
- Các khoản dự phòng	03		376.923.474	150.983.124
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có	04		-	(9.036.975)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(467.810.283)	684.667
- Chi phí lãi vay	06		2.101.458.708	2.187.287.847
- Các khoản điều chỉnh khác	07		94.786.926	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>8.082.389.063</b>	<b>8.336.731.134</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.035.739.855	1.072.066.684
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.376.218.651)	(520.376.169)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.804.316.135)	(2.381.909.928)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		372.266.946	2.884.182.435
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.101.458.708)	(2.187.287.847)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(478.876.010)	(1.900.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>19.729.526.360</b>	<b>5.303.406.309</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.481.840.000)	(104.454.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.700.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.420.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		467.810.283	684.667
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.894.029.717)</b>	<b>(3.303.769.878)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.441.371.251	41.025.698.428
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(40.064.593.371)	(40.641.667.745)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.665.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.623.222.120)</b>	<b>(4.281.569.317)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.212.274.523</b>	<b>(2.281.932.886)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>658.969.428</b>	<b>2.720.800.801</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1.871.243.951</b>	<b>438.867.915</b>

Người lập



Hà Thị Phương Thủy

Kế toán trưởng



Bùi Thị Mai Chi

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Viết Tùng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Mẫu số B09a-DN**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 24 tháng 03 năm 2017.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Sản xuất hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc, thêu ren, sản xuất các loại hàng dệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn các máy móc, thiết bị ngành dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 70 người, trong đó số nhân viên quản lý là 06 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình****4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:***

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.14. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

- Hàng hóa của công ty chịu mức thuế GTGT: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### **4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: sản xuất kinh doanh quần áo, dệt tăt, vải, sợi các loại.

***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội, tỷ lệ doanh thu trên 90% nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**4.19. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số V8.7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	1.801.463.027	486.789.637
Tiền gửi ngân hàng	69.780.924	172.179.791
Tiền gửi ngân hàng VND	66.127.451	168.526.318
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	45.466.673	88.782.134
- Ngân hàng TNHH Indovina	106.406	832.406
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.178.068	866.068
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	2.214.514	16.922.102
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.006.635	1.005.634
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	9.521.309	54.407.275
- Ngân hàng VP Bank	6.633.846	3.765.076
- Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	-	1.945.623
Tiền gửi ngân hàng USD	3.653.473	3.653.473
- Ngân hàng TNHH Indovina	226.800	226.800
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	917.204	917.204
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	2.509.469	2.509.469
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.871.243.951</b>	<b>658.969.428</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2018	01/01/2018
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31.481.736.308</b>	<b>33.132.690.487</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	2.753.019.435	898.196.865
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	5.502.678.422	4.580.256.920
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh	2.285.173.856	2.285.173.856
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	7.353.459.044	4.481.025.444
- Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc VTC	3.297.340.551	3.697.855.651
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.290.065.000	17.190.181.751
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>8.470.501.825</b>	<b>4.632.506.405</b>
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	7.353.459.044	4.481.025.444
- Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	1.117.042.781	151.480.961

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2018	01/01/2018
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>5.081.571.482</b>	<b>22.030.148.513</b>
- Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	-	12.523.575.000
- Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	2.294.816.600	8.565.945.400
- Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.786.754.882	940.628.113
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>9.095.191.637</b>	-	<b>17.803.282.191</b>	-
- Tạm ứng	-		75.518.892	
- Phải trả, phải nộp khác	-		2.026.313	
- Cho mượn				
- Các khoản chi hộ				
- Phải thu khác	9.095.191.637		17.725.736.986	
+ Ông Nguyễn Quang Dũng (*)	9.095.000.000		17.645.000.000	
+ Các đối tượng khác	191.637		80.736.986	
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

(\*) Khoản phải thu chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng chưa thu được.

**5.5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.200.000.000</b>		<b>6.900.000.000</b>	
+ Ông Tạ Duy Tuấn	14.200.000.000		6.900.000.000	
<b>b) Dài hạn</b>	-		-	

Cho ông Tạ Duy Tuấn vay theo hợp đồng cho vay tiền số HĐCV/PT-CN số 03/2017 ngày 27 tháng 09 năm 2017 số tiền 5 tỷ đồng, hợp đồng vay số HĐCV/PT-CN số 01/2018 ngày 04 tháng 01 năm 2018 số tiền 1 tỷ đồng, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 02/2018 ngày 25 tháng 01 năm 2018 số tiền 2 tỷ đồng, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 03/2018 ngày 15 tháng 03 năm 2018 số tiền 1,5 tỷ đồng, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 04/2018 ngày 27 tháng 03 năm 2018 số tiền 2 tỷ, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 05/2018 ngày 08 tháng 05 năm 2018 số tiền 2 tỷ, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 06/2018 ngày 20 tháng 05 năm 2018 số tiền 2 tỷ đồng, hợp đồng cho vay tiền HĐCV/PT-CN số 07/2018 ngày 27 tháng 06 năm 2018, hợp đồng cho vay tiền số HĐCV/PT-CN số 07/2018 số tiền 1,5 tỷ đồng, lãi suất 11%/ năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 12 tháng.

**5.6 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	12.341.339.574	-	9.784.199.530	-
Công cụ, dụng cụ	597.670.391	-	290.845.526	-
Chi phí SXKD dở dang	295.954.522	-	87.314.550	-
Thành phẩm nhập kho	15.620.362.458	-	16.095.101.740	-
Hàng hóa	10.648.191.248		10.869.838.196	
<b>Cộng</b>	<b>39.503.518.193</b>	-	<b>37.127.299.542</b>	-

• Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

#### 5.7 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>77.914.285.714</b>	<b>-</b>	<b>81.334.285.714</b>	<b>-</b>
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	47.914.285.714	- (*)	47.914.285.714	- (*)
+ Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng - tỷ lệ sở hữu 47,5%	40.714.285.714		40.714.285.714	
+ Công ty Cổ phần Melange Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 48%	7.200.000.000		7.200.000.000	
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	- (*)	33.420.000.000	- (*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15,15%	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%	-		3.420.000.000	

#### - Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết, liên doanh trong kỳ:

- + Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại hàng dệt kim như tất, quần áo...
- + Công ty CP Melange Việt Nam là công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại các mặt hàng thời trang...

#### - Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty liên kết trong kỳ:

- + Các giao dịch chủ yếu của các Công ty liên kết với Công ty mẹ chủ yếu là mua hàng hóa, thành phẩm.

(\*) : Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị không yet trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.8 . NỢ XẤU

Mẫu số B09a-DN

	Đơn vị : VND				
	Cuối kỳ		Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu ngắn hạn					
- Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	139.520.200	-	(139.520.200)	139.520.200	97.664.140
- Công ty TNHH Trường Thọ Phát	118.898.819	59.449.410	(59.449.410)	118.898.819	83.229.173
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Shin Hwa Việt Nam	146.901.900	73.450.950	(73.450.950)	146.901.900	102.831.330
- Công ty TNHH Vải giấy Thanh Cường	1.458.900.000	729.450.000	(729.450.000)	1.458.900.000	1.021.230.000
- Công ty Cổ phần Thời trang 4U	44.312.800	22.156.400	(22.156.400)	44.312.800	31.018.960
- Báo Đầu tư	22.000.110	11.000.055	(11.000.055)	22.000.110	15.400.077
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Q&G Việt Nam	59.967.241	29.983.621	(29.983.621)	59.967.241	41.977.069
- Công ty TNHH Thể thao Đức Trung	504.599	252.300	(252.300)	-	-
- Công ty TNHH Liên Doanh Sommer Paris	12.950.000	6.475.000	(6.475.000)	-	-
Cộng	2.003.955.669	925.490.435	(1.071.737.935)	1.990.501.070	1.393.350.749
					(694.814.461)



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.400.000	33.472.088.556	3.274.880.000		36.778.368.556
Tăng trong kỳ		11.708.840.000			11.708.840.000
- Mua trong kỳ		11.481.840.000			11.481.840.000
- Tăng khác		227.000.000			227.000.000
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	31.400.000	45.180.928.556	3.274.880.000		48.487.208.556
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.635.737	5.215.949.496	354.778.671		5.584.363.904
Tăng trong kỳ	5.233.332	1.921.183.239	163.744.002		2.090.160.573
- Số khấu hao trong kỳ	5.233.332	1.921.183.239	163.744.002		2.090.160.573
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	18.869.069	7.137.132.735	518.522.673		7.674.524.477
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	17.764.263	28.256.139.060	2.920.101.329		31.194.004.652
2. Tại ngày cuối kỳ	12.530.931	38.043.795.821	2.756.357.327		40.812.684.079

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 35.795.487.876 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết các công trình chiếm 10% trở lên)	-	-	227.000.000	227.000.000
+ Mua sắm	-	-	227.000.000	227.000.000
<b>5.11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>			<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
a) Ngắn hạn			<b>29.783.874</b>	<b>68.176.299</b>
- Chi phí mua bảo hiểm			23.475.780	48.753.142
- Chi phí khác			6.308.094	19.423.157
b) Dài hạn			<b>6.761.153.094</b>	<b>7.095.027.615</b>
- Chi phí thuê tầng 3 tòa nhà SME Hoàng Gia			5.969.175.208	6.041.092.984
- Chi phí khác			791.977.886	1.053.934.631
<b>Cộng</b>			<b>6.790.936.968</b>	<b>7.163.203.914</b>
<b>5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN</b>	<b>30/06/2018</b>		<b>01/01/2018</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	<b>9.296.700.805</b>	<b>9.296.700.805</b>	<b>21.936.555.174</b>	<b>21.936.555.174</b>
- Chi nhánh Công ty Dệt 19/05 Hà Nội	290.193.682	290.193.682	5.040.756.600	5.040.756.600
- Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng	616.407.678	616.407.678	9.622.272.573	9.622.272.573
- Phải trả cho các đối tượng khác	8.390.099.445	8.390.099.445	7.273.526.001	7.273.526.001
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
- Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Shaoxing Golden Gulf Import & Export.Co.LTD	409.151.604	409.151.604	409.151.604	409.151.604
- Các đối tượng khác	1.005.433.615	1.005.433.615	1.005.433.615	1.005.433.615
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH Dệt kim Phú Vinh Hưng	616.407.678	616.407.678	9.622.272.573	9.622.272.573
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng	1.127.500.000	1.127.500.000	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>6.763.009.638</b>	<b>6.763.009.638</b>	<b>5.059.574.857</b>	<b>5.059.574.857</b>
- C.ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	-	-	868.000.000	868.000.000
- C.ty CP Đ.tư và Phát triển Tân Phú Mỹ	2.428.516.100	2.428.516.100	2.430.796.100	2.430.796.100
- Công ty TNHH TM H&P Việt Nam	413.979.544	413.979.544	534.201.986	534.201.986
- Công ty TNHH Malis Việt Nam	-	-	667.701.430	667.701.430
- Công ty CP Đầu tư K&G Việt Nam	2.753.019.435	2.753.019.435	-	-
- Đối tượng khác	1.167.494.559	1.167.494.559	558.875.341	558.875.341
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				

**5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>	<b>1.227.902.963</b>	<b>1.062.962.857</b>	<b>531.500.233</b>	<b>1.759.365.587</b>
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	1.222.081.589	1.016.160.008	478.876.010	1.759.365.587
- Thuế TNCN	1.500.000	3.000.000	4.500.000	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	4.321.374	40.802.849	45.124.223	-
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.903.404	-	-	1.903.404

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>40.000.000</b>	<b>80.000.000</b>
- Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	80.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000</b>	<b>80.000.000</b>

**5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>177.924.827</b>	-
- Bảo hiểm xã hội	167.899.863	-
- Bảo hiểm y tế	6.399.595	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.900.295	-
- Bảo hiểm tai nạn	725.074	-

**b) Dài hạn****c) Phải trả người bán là các bên liên quan****d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.17 .VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Mẫu số B09a-DN				
	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>38.841.277.820</b>	<b>38.841.277.820</b>	<b>37.552.909.713</b>	<b>40.064.593.371</b>	<b>41.352.961.478</b>
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (1)	17.999.095.305	17.999.095.305	18.161.145.305	17.871.724.261	17.709.674.261
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Kinh Đô (2)	154.000.000	154.000.000	-	1.267.626.000	1.421.626.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (3)	18.280.225.946	18.280.225.946	18.280.225.946	19.998.584.294	19.998.584.294
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Hà Tây (4)	924.879.646	924.879.646	370.000.000	185.120.354	740.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (5)	360.000.000	360.000.000	180.000.000	180.000.000	360.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (6)	1.123.076.923	1.123.076.923	561.538.462	561.538.462	1.123.076.923
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>7.137.634.200</b>	<b>7.137.634.200</b>	<b>-</b>	<b>1.111.538.462</b>	<b>8.249.172.662</b>
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Hà Tây (4)	1.273.713.500	1.273.713.500	-	370.000.000	1.643.713.500
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (5)	810.074.547	810.074.547	-	180.000.000	990.074.547
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (6)	5.053.846.153	5.053.846.153	-	561.538.462	5.615.384.615
<b>Cộng</b>	<b>45.978.912.020</b>	<b>45.978.912.020</b>	<b>37.552.909.713</b>	<b>41.176.131.833</b>	<b>49.602.134.140</b>

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6700554/HĐTD ngày 25 tháng 06 năm 2018 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 18 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mờ L/C.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 220517-262813-01-SME ngày 31 tháng 05 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đô, hạn mức tín dụng 3 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết 30/04/2018, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh , mờ L/C.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 83/HM/KHDN/VCBHT-MPT ngày 21 tháng 08 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 30 tỷ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần sịp.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 07 tháng 09 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng , mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	155.520.000.000	-	-	1.162.555.858	-	5.074.447.707	161.757.003.565
Tăng vốn năm trước	-						-
Lãi trong năm trước						4.029.091.104	4.029.091.104
Tăng khác				-		-	-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác					(5.065.600.000)		-
Số dư cuối năm trước	155.520.000.000	-	-	1.162.555.858	-	4.037.938.811	160.720.494.669
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						2.965.496.583	2.965.496.583
Tăng khác				-			-
Giảm vốn trong kỳ này							-
Giảm khác						-	-
Số dư cuối kỳ	155.520.000.000	-	-	1.162.555.858	-	7.003.435.394	163.685.991.252

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
		-	-
<b>Cộng</b>		<b>155.520.000.000</b>	<b>155.520.000.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
---------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------

Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	155.520.000.000	155.520.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	191	218

<b>đ) Cổ tức</b>	
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	

<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	981.277.929	981.277.929

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
<b>a) Doanh thu</b>	<b>59.324.811.858</b>	<b>49.019.139.886</b>
- Doanh thu quần áo, bít tất	41.332.579.465	27.761.037.310
- Doanh thu sợi, vải các loại	17.727.686.938	19.466.132.486
- Doanh thu khác	264.545.455	1.791.970.090
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
+ Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vinh Hưng	5.437.008.000	4.785.777.640
+ Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	1.014.147.109	-
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Hàng bán bị trả lại	34.452.500	-
<b>Cộng</b>	<b>34.452.500</b>	<b>-</b>
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
<b>Giá vốn của hàng đã bán</b>	<b>51.699.288.538</b>	<b>40.155.045.665</b>
- Giá vốn quần áo, bít tất	33.865.876.457	21.172.378.902
- Giá vốn sợi, vải các loại	17.640.964.639	17.830.165.045
- Giá vốn khác	192.447.442	1.152.501.718
<b>Cộng</b>	<b>51.699.288.538</b>	<b>40.155.045.665</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	467.810.283	684.667
<b>Cộng</b>	<b>467.810.283</b>	<b>684.667</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Lãi tiền vay	2.101.458.708	2.187.287.847
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	9.036.975
<b>Cộng</b>	<b>2.101.458.708</b>	<b>2.196.324.822</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Thu nhập khác	120.000.368	1.947
<b>Cộng</b>	<b>120.000.368</b>	<b>1.947</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Các khoản phạt chậm nộp	462.753.353	765.499.131
<b>Cộng</b>	<b>462.753.353</b>	<b>765.499.131</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.461.320.068</b>	<b>1.125.446.204</b>
Chi phí nhân viên	526.417.034	302.433.731
Chi phí trả trước, khấu hao tài sản cố định	168.977.334	251.528.812
Chi phí dự phòng	376.923.474	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	389.002.227	571.483.661
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>266.479.677</b>	<b>355.399.564</b>
Chi phí nhân viên	137.469.799	142.566.832
Chi phí bán hàng khác	129.009.878	212.832.732
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.668.019.150	32.016.887.449
Chi phí nhân công	2.511.854.313	1.895.388.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.090.160.573	1.584.701.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.918.894	693.230.459
Chi phí dự phòng	376.923.474	-
Chi phí bằng tiền khác	873.828.692	2.059.456.764
<b>Cộng</b>	<b>30.711.705.095</b>	<b>38.249.664.480</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.886.869.665	4.422.111.114
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	719.995.747	765.484.522
+ Chi phí không được trừ	719.995.747	765.484.522
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.606.865.412	5.187.595.636
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	921.373.082	1.037.519.127
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.965.496.583	3.384.591.987
<b>6.11 . LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	2.965.496.583	3.384.591.987
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	2.965.496.583	3.384.591.987
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>191</b>	<b>218</b>

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÙ THÀNH**

**Địa chỉ:** Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

**Kỳ này**

Chỉ tiêu	Quản áo, bút tất	Sợi, vải các loại	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	41.332.579.465	17.727.686.938	264.545.455	59.324.811.858
Các khoản giảm trừ doanh thu	34.452.500			34.452.500
Giá vốn hàng bán	33.865.876.457	17.640.964.639	192.447.442	51.699.288.538
Lợi nhuận gộp	7.432.250.508	86.722.299	72.098.013	7.591.070.820
Tổng giá trị còn lại của tài sản				228.683.182.058
Nợ phải trả				64.997.190.806
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				11.481.840.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				2.587.102.974
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

**Địa chỉ:** Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Kỳ trước	Chỉ tiêu	Quần áo, bất tất	Sợi, vải các loại	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu		27.761.037.310	19.466.132.486	1.791.970.090	49.019.139.886
Các khoản giảm trừ doanh thu		-			-
Giá vốn hàng bán		21.172.378.902	17.830.165.045	1.152.501.718	40.155.045.665
<b>Lợi nhuận gộp</b>		<b>6.588.658.408</b>	<b>1.635.967.441</b>	<b>639.468.372</b>	<b>8.864.094.221</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản					242.712.214.516
Nợ phải trả					82.636.218.964
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>					104.454.545
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					1.584.701.357
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>					-

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1001/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 10/01/2018, Công ty Cổ phần May Phú Thành thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Dệt may Supertex.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 137/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 07 năm 2018 về việc miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với bà Nông Kim Nhân và bổ nhiệm chức vụ kế toán trưởng bà Bùi Thị Mai Chi kể từ ngày 30 tháng 07 năm 2018.

Quyết định số 4262/QĐ-CCT-QLN ngày 09 tháng 07 năm 2018 của Chi Cục thuế huyện Hoài Đức về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do Công ty không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định. Tuy nhiên,, theo thông báo số 5040/TB-CCT-QLN ngày 10 tháng 08 năm 2018 của Chi cục Thuế huyện Hoài Đức thông báo về việc hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng do Công ty Cổ phần May Phú thành có văn bản xin xuất hóa đơn lẻ và cam kết nộp thuế gửi Chi cục Thuế huyện Hoài Đức.

**8.6 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**(iii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Ngày 30/06/2018</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.871.243.951		1.871.243.951
Phải thu về cho vay	14.200.000.000		14.200.000.000
Phải thu khách hàng	31.481.736.308		31.481.736.308
Đầu tư		77.914.285.714	77.914.285.714
Phải thu khác	9.095.191.637		9.095.191.637
Tài sản tài chính khác	3.033.535.535	6.761.153.094	9.794.688.629
<b>Trừ:</b>	<b>1.071.737.935</b>	<b>-</b>	<b>1.071.737.935</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	1.071.737.935		1.071.737.935
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.609.969.496</b>	<b>84.675.438.808</b>	<b>143.285.408.304</b>
Các khoản vay và nợ	38.841.277.820	7.137.634.200	45.978.912.020
Phải trả người bán	9.296.700.805		9.296.700.805
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	40.000.000		40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.177.978.625</b>	<b>7.137.634.200</b>	<b>55.315.612.825</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.431.990.871</b>	<b>77.537.804.608</b>	<b>87.969.795.479</b>

<b>Ngày 01/01/2018</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	658.969.428		658.969.428
Phải thu khách hàng	33.132.690.487		33.132.690.487
Phải thu về cho vay	6.900.000.000		6.900.000.000
Đầu tư		81.334.285.714	81.334.285.714
Phải thu khác	17.803.282.191		17.803.282.191
Tài sản tài chính khác	2.800.046.051	7.095.027.615	9.895.073.666
<b>Trừ:</b>	<b>694.814.461</b>	<b>-</b>	<b>694.814.461</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	694.814.461		694.814.461
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.600.173.696</b>	<b>88.429.313.329</b>	<b>149.029.487.025</b>
Các khoản vay và nợ	41.352.961.478	8.249.172.662	49.602.134.140
Phải trả người bán	21.936.555.174		21.936.555.174
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	80.000.000		80.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.369.516.652</b>	<b>8.249.172.662</b>	<b>71.618.689.314</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.769.342.956)</b>	<b>80.180.140.667</b>	<b>77.410.797.711</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**  
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Các khoản phải thu về cho vay	14.200.000.000	6.900.000.000	14.200.000.000	6.900.000.000	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.505.190.010	50.241.158.217	39.505.190.010	50.241.158.217	
Tài sản tài chính khác	9.794.688.629	9.895.073.666	9.794.688.629	9.895.073.666	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	77.914.285.714	81.334.285.714	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.871.243.951	658.969.428	1.871.243.951	658.969.428	
<b>Tổng cộng</b>	<b>143.285.408.304</b>	<b>149.029.487.025</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Vay và nợ	45.978.912.020	49.602.134.140	45.978.912.020	49.602.134.140	
Phải trả người bán	9.296.700.805	21.936.555.174	9.296.700.805	21.936.555.174	
Phải trả khác	177.924.827	-	177.924.827	177.924.827	
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.453.537.652</b>	<b>71.538.689.314</b>	<b>55.453.537.652</b>	<b>71.716.614.141</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09a - DN**

Đơn vị tính: VND

**8.7 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên kết	47,5%
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có quan hệ mật thiết trong gia đình	
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	Công ty liên kết	48%

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

		Đơn vị tính: VND
Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.980.708.800
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	3.108.275.200
	Mua hàng hóa dịch vụ	1.127.500.000
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Mua hàng hóa, dịch vụ	24.110.576.800
	Thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	33.116.441.695
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.181.561.820
	Thu tiền hàng hóa dịch vụ	216.000.000

**b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	44.070.000
Chu Ngọc Cường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	27.000.000
Bùi Thị Lệ Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	26.174.640
Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	40.601.538
<b>Cộng</b>		<b>137.846.178</b>

**8.8 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần May Phú Thành đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và soát xét.

**8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.10 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Hà Thị Phương Thủy

Kế toán trưởng



Bùi Thị Mai Chi

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018



Nguyễn Viết Tùng